

Số: /SXD-ĐTNO
V/v Thông báo kinh doanh nhà ở
hình thành trong tương lai đối với dự
án Khu đô thị mới bên bờ sông Lô,
phường An Tường

Tuyên Quang, ngày tháng 5 năm 2026

Kính gửi: Công ty cổ phần Tập đoàn Sơn Phúc

Ngày 24/4/2026, Sở Xây dựng tiếp nhận từ Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang hồ sơ Thông báo kinh doanh nhà ở hình thành trong tương lai đối với dự án Khu đô thị mới bên bờ sông Lô, phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang của Công ty cổ phần Tập đoàn Sơn Phúc (Mã hồ sơ H60.15-260424-170009).

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27/11/2023;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 28/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.

Trên cơ sở đề nghị và hồ sơ, tài liệu do Công ty cổ phần Tập đoàn Sơn Phúc (chủ đầu tư) cung cấp, sau khi xem xét hồ sơ, tài liệu dự án và căn cứ các quy định có liên quan, Sở Xây dựng tỉnh Tuyên Quang có ý kiến như sau:

I. Thông tin về dự án

Dự án xây dựng Khu đô thị mới bên bờ sông Lô, phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang được Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 và chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 20/3/2026; được chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 và điều chỉnh quyết định chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 20/3/2026.

1. Tên dự án: Khu đô thị mới bên bờ sông Lô, phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang

2. Địa điểm thực hiện dự án: Phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang.

3. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Tập đoàn Sơn Phúc

4. Quy mô, diện tích đất của dự án

a) Diện tích sử dụng đất của dự án: 19,70ha, trong đó:

- Diện tích đất ở: 68.529,79m² (trong đó diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội 14.250,05m² chiếm khoảng 20,79% diện tích đất ở).

- Diện tích đất công trình hạ tầng xã hội: 26.375,32m²
- Đất tôn giáo, tín ngưỡng (Đình Phúc Hưng): 2.148,84m².
- Diện tích đất cây xanh sử dụng hạn chế: 3.804,63m².
- Bãi đỗ xe: 3.153,35m².
- Diện tích đất hạ tầng kỹ thuật: 13.668,22m².
- Diện tích đất mặt nước (Hồ, ao): 18.149,2 m².
- Đường giao thông: 59.958,63 m².
- Diện tích chỉnh trang đường Phú Hưng: 856,69 m².
- Diện tích cải tạo Kênh/mương thoát ra suối Chả: 403,44 m².

b) Quy mô dân số: Xây dựng khu đô thị với quy mô dân số dự kiến khoảng 3.638 người.

c) Số lượng từng loại nhà:

- Tổng số nhà ở thương mại trong khu đô thị: 490 căn. Trong đó:
 - + Nhà ở chia lô liền kề: Tầng cao tối đa 05 tầng; số lượng 460 căn.
 - + Nhà ở biệt thự: Tầng cao tối đa 03 tầng, số lượng 30 căn.
- Nhà ở xã hội dạng chung cư thấp tầng: Tầng cao tối đa 05 tầng; diện tích đất nhà ở xã hội là 14.250,05 m².

II. Pháp lý của dự án

1. Thông tin pháp lý về hồ sơ thủ tục đầu tư của Dự án:

- Công ty cổ phần Tập đoàn Sơn Phúc: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0104973691; cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 26/12/2025; Cơ quan cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính thành phố Hà Nội.

- Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới bên bờ sông Lô, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang;

- Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc chấp thuận nhà đầu tư dự án Khu đô thị mới bên bờ sông Lô, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang;

- Quyết định số 521/QĐ/UBND ngày 20/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới bên bờ sông Lô, phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang;

- Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 20/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc điều chỉnh chấp thuận nhà đầu tư dự án Khu đô thị mới bên bờ sông Lô, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang.

2. Thông tin pháp lý về hồ sơ quy hoạch, thiết kế, xây dựng của Dự án

- Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 18/11/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô

thị mới bên bờ Sông Lô, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

- Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang về việc phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới bên bờ Sông Lô, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

- Thông báo số 08/TB-SXD ngày 25/01/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Tuyên Quang về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Khu đô thị mới bên bờ Sông Lô, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang;

- Văn bản số 1064/SXD- QLĐTXD ngày 11/6/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Tuyên Quang thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án Khu đô thị mới bên bờ Sông Lô, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang;

- Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu đô thị mới bên bờ Sông Lô, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang;

- Văn bản số 15/TD-PCCC ngày 09/3/2022 của Công an tỉnh Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC Khu đô thị mới bên bờ Sông Lô, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang;

- Quyết định số 42/2022/QĐ-HĐQT ngày 17/2/2022 của Công ty cổ phần Tập đoàn Sơn Phúc về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án Khu đô thị mới bên bờ Sông Lô, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang;

- Quyết định số 112/2025/QĐ-SPG ngày 16/6/2025 của Công ty cổ phần Tập đoàn Sơn Phúc về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư Khu đô thị mới bên bờ Sông Lô, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang;

- Quyết định số 125/2025/QĐ-HĐQT ngày 30/6/2025 của Công ty cổ phần Tập đoàn Sơn Phúc về việc phê duyệt thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án đầu tư Khu đô thị mới bên bờ Sông Lô, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang;

- Quyết định số 25B/2026/QĐ-SPG ngày 03/3/2026 của Công ty cổ phần Tập đoàn Sơn Phúc về việc phê duyệt thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh công trình nhà ở xây thô thuộc dự án đầu tư Khu đô thị mới bên bờ Sông Lô, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang;

- Giấy phép xây dựng số 241/GPXD ngày 13/4/2022 của UBND thành phố Tuyên Quang; Giấy phép xây dựng số 776/GPXD/2023 ngày 20/10/2023 của UBND thành phố Tuyên Quang; Văn bản số 407/SXD-QHKT ngày 05/8/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Tuyên Quang về miễn cấp Giấy phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;

- Các biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng đưa vào sử dụng ngày 20/4/2026 (các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của dự án);

- Thông báo khởi công số 123/2022/TB-SPG ngày 21/4/2022 của Công ty cổ phần Tập đoàn Sơn Phúc; Thông báo khởi công số 56A/2026/TB-SPG ngày 15/4/2026 của Công ty cổ phần Tập đoàn Sơn Phúc triển khai đầu tư xây dựng nhà ở xây thô hoàn thiện mặt ngoài dự án.

3. Thông tin về đất đai của dự án

- Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất thực hiện Dự án Khu đô thị mới bên bờ sông Lô, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (đợt 1);

- Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 về điều chỉnh Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh (đợt 1) và Quyết định thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án Khu đô thị mới bên bờ sông Lô, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (đợt 2).

Thuế tỉnh Tuyên Quang đã xác nhận Chủ đầu tư hoàn thành nghĩa vụ tài chính tại Thông báo số 421/TB-TQU ngày 30/3/2026.

Biên bản bàn giao đất trên thực địa khu đất thực hiện dự án Khu đô thị mới bên bờ sông Lô, phường An Tường do Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, UBND phường An Tường, Trung tâm Phát triển quỹ đất cho Công ty cổ phần Tập đoàn Sơn Phúc ngày 14/4/2026.

4. Thông tin pháp lý khác có liên quan

- Văn bản số 3214/UBND-QLĐT ngày 16/11/2021 của UBND thành phố về việc thỏa thuận hướng tuyến hệ thống thoát nước của dự án Khu đô thị mới bên bờ sông Lô, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang;

- Văn bản số 500/PCTQ-KT ngày 12/11/2021 của Công ty Điện lực Tuyên Quang về việc chấp thuận điểm đầu đường dây 10kV lộ 972 TQHG.

- Văn bản số 502/CV-CTN ngày 08/11/2021 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang về việc chấp thuận điểm đầu nối hệ thống cấp nước cho dự án Khu đô thị mới bên bờ sông Lô, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang;

- Văn bản số 1075/UBND-KTHT&ĐT ngày 16/4/2025 của UBND thành phố Tuyên Quang về việc chấp thuận phương án đấu nối nút giao thông dự án Khu đô thị mới bên bờ sông Lô, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang;

- Giấy phép thi công số 01/2025/GPTC ngày 29/9/2025 của UBND phường An Tường cấp thi công nút giao đầu nối Khu đô thị mới bên bờ sông Lô, phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang.

III. Thông tin về nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua

Thông tin về nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán và cho thuê đối với 285 căn nhà ở; số tầng cao là 03 tầng + tum; tổng diện tích lô đất 29.914 m²; tổng diện tích sàn khoảng 94.398,7 m²; tại các vị trí chủ đầu tư phải

thực hiện xây thô hoàn thiện mặt ngoài theo chủ trương đầu tư được duyệt, cụ thể theo biểu chi tiết như sau:

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

IV. Điều kiện của nhà ở hình thành trong tương lai tại dự án đã đáp ứng để được bán cho thuê mua

Căn cứ theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 24 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023; Điều 8 Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ và các quy định liên quan khác có liên quan; hồ sơ, tài liệu do Công ty cổ phần Tập đoàn Sơn Phúc (chủ đầu tư) cung cấp tại văn bản số 58/2026/SPG-PTDA ngày 21/4/2026 thì thành phần hồ sơ thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán của **285** căn nhà tại Dự án Khu đô thị mới bên bờ sông Lô, phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang (*việc tổ chức kiểm tra, nghiệm thu, đánh giá chất lượng các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của dự án đã được chủ đầu tư và các đơn vị liên quan nghiệm thu hoàn thành và chịu trách nhiệm tính xác đối với hồ sơ đã tổ chức nghiệm thu*) nộp cơ bản đầy đủ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ và đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 24 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023.

V. Trách nhiệm, yêu cầu đối với chủ đầu tư dự án

- Chịu trách nhiệm về các thông tin về dự án, chủ đầu tư, nhà ở hình thành trong tương lai tại dự án đầy đủ, chính xác, trung thực.

- Chịu trách nhiệm về bảo đảm nhà ở hình thành trong tương lai tại dự án đã đáp ứng đủ điều kiện để được bán cho thuê mua theo quy định tại Điều 24 của Luật Kinh doanh bất động sản.

- Ký hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai tuân thủ quy định và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản; đảm bảo kết nối hạ tầng kỹ thuật dự án với khu vực trước khi bán nhà ở.

- Trước khi đưa bất động sản, dự án bất động sản vào kinh doanh, doanh nghiệp kinh doanh bất động sản phải công khai đầy đủ, trung thực và chính xác thông tin quy định tại Điều 6 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 trên hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định và trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản.

- Trước khi ký kết hợp đồng bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê mua bất động sản, chuyển nhượng dự án bất động sản có trách nhiệm phải công khai đầy đủ các thông tin về bất động sản, dự án bất động sản đưa vào kinh doanh theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023;

- Việc thanh toán trong mua bán, thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai phải đảm bảo theo quy định tại Điều 25 của Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023.

- Bảo lãnh trong bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai theo quy định tại Điều 26 của Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023.

- Bàn giao nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai theo quy định tại Điều 27 của Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023.

- Trong văn bản đề nghị của chủ đầu tư không đề nghị việc bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai cho tổ chức, cá nhân nước ngoài đối với dự án Dự án Khu đô thị mới bên bờ sông Lô, phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang; qua đó, nhà đầu tư không được tổ chức bán, cho thuê mua nhà ở cho tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở.

VI. Sở Xây dựng tỉnh Tuyên Quang đề nghị

Công ty cổ phần Tập đoàn Sơn Phúc có trách nhiệm sau đây:

- Phải sử dụng Hợp đồng mẫu để ký kết khi thực hiện kinh doanh bất động sản theo quy định tại Điều 44 của Luật Kinh doanh bất động sản; Mẫu hợp đồng được quy định tại Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024;

- Không ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác ký hợp đồng đặt cọc, hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phân diện tích sản xây dựng trong công trình xây dựng hình thành trong tương lai theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 23 của Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023;

- Bảo đảm công khai, minh bạch; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân đã ký kết hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phân diện tích sản xây dựng trong công trình xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 23 của Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023;

- Trường hợp chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở đã thế chấp một phần hoặc toàn bộ dự án hoặc nhà ở thì phải giải chấp một phần hoặc toàn bộ dự án hoặc nhà ở và quyền sử dụng đất trước khi ký hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai với khách hàng theo quy định tại khoản 2 Điều 183 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023;

- Trường hợp sau khi có văn bản thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua mà chủ đầu tư có nhu cầu bán nhà ở cho tổ chức, cá nhân nước ngoài thì có văn bản gửi Sở Xây dựng đề nghị điều chỉnh hoặc bổ sung nội dung này trong văn bản thông báo.

- Thực hiện các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Trên đây là Thông báo kinh doanh nhà ở hình thành trong tương lai đối với dự án Khu đô thị mới bên bờ sông Lô, phường An Tường./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Lưu: VT, ĐTNODat.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hà Quốc Dũng

DANH SÁCH 285 CĂN NHÀ TẠI DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ MỚI BÊN BỜ SÔNG LÔ, PHƯỜNG AN TƯỜNG, TỈNH TUYÊN QUANG
ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỂ BÁN NHÀ Ở HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LAI
(Đính kèm văn bản số 2327/SXD-ĐTNO ngày 14/5/2026)

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Diện tích 1 lô đất (m ²) (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m ² /lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
1. Khu LK-06	25	2.616,5	8.248,4		2.169,2				
1	LK-06.1	194,5	451,1	M01	93,0	63%	4	2,3	
2	LK-06.2	100,0	323,1	M02	96,0	85%	4	3,2	
3	LK-06.3	100,0	323,1	M02	96,0	85%	4	3,2	
4	LK-06.4	100,0	323,1	M02	96,0	85%	4	3,2	
5	LK-06.5	100,0	323,1	M02	96,0	85%	4	3,2	
6	LK-06.6	100,0	323,1	M02	96,0	85%	4	3,2	
7	LK-06.7	100,0	323,1	M02	96,0	85%	4	3,2	
8	LK-06.8	100,0	323,1	M02	96,0	85%	4	3,2	
9	LK-06.9	100,0	323,1	M02	96,0	85%	4	3,2	
10	LK-06.10	100,0	323,1	M02	96,0	85%	4	3,2	
11	LK-06.11	100,0	323,1	M02	96,0	85%	4	3,2	
12	LK-06.12	100,0	323,1	M02	96,0	85%	4	3,2	
13	LK-06.13	100,0	340,4	M07A	85,0	85%	4	3,4	
14	LK-06.14	100,0	340,4	M07A	85,0	85%	4	3,4	
15	LK-06.15	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
16	LK-06.16	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	

285

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Diện tích 1 lô đất (m ²) (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m ² /lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
17	LK-06.17	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
18	LK-06.18	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
19	LK-06.19	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
20	LK-06.20	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
21	LK-06.21	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
22	LK-06.22	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
23	LK-06.23	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
24	LK-06.24	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
25	LK-06.25	122,0	332,2	M03	80,1	66%	4	2,7	
2. Khu LK-07A	12	909,8	2.909,8		741,4				
1	LK-07A.01	73,3	237,3	M04	60,4	82%	4	3,2	
2	LK-07A.02	73,4	237,3	M04	60,4	82%	4	3,2	
3	LK-07A.03	73,6	237,3	M04	60,4	82%	4	3,2	
4	LK-07A.04	73,8	237,3	M04	60,4	82%	4	3,2	
5	LK-07A.05	74,0	237,3	M04	60,4	82%	4	3,2	
6	LK-07A.06	74,2	237,3	M04	60,4	81%	4	3,2	
7	LK-07A.07	74,4	237,3	M04	60,4	81%	4	3,2	
8	LK-07A.08	74,6	237,3	M04	60,4	81%	4	3,2	
9	LK-07A.09	74,8	237,3	M04	60,4	81%	4	3,2	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Diện tích 1 lô đất (m ²) (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m ² /lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
10	LK-07A.10	75,2	237,3	M04	60,4	80%	4	3,2	
11	LK-07A.11	76,0	237,3	M04	60,4	79%	4	3,1	
12	LK-07A.12	92,3	299,5	M07C	77,0	82%	4	3,2	
3. Khu LK-07B	12	1.033,4	3.189,7		825,5				
1	LK-07B.01	94,3	299,5	M07C	77,0	82%	4	3,2	
2	LK-07B.2	79,5	254,0	M05A	66,0	83%	4	3,2	
3	LK-07B.3	80,4	254,0	M05A	66,0	82%	4	3,2	
4	LK-07B.4	81,2	254,0	M05A	66,0	81%	4	3,1	
5	LK-07B.5	82,1	254,0	M05A	66,0	80%	4	3,1	
6	LK-07B.6	82,9	254,0	M05A	66,0	80%	4	3,1	
7	LK-07B.7	83,8	254,0	M05A	66,0	79%	4	3,0	
8	LK-07B.8	84,6	254,0	M05A	66,0	78%	4	3,0	
9	LK-07B.9	85,5	254,0	M05A	66,0	77%	4	3,0	
10	LK-07B.10	86,3	254,0	M05A	66,0	76%	4	2,9	
11	LK-07B.11	87,2	254,0	M05A	66,0	76%	4	2,9	
12	LK-07B.12	105,7	350,5	M07B	89,0	83%	4	3,3	
4. Khu LK-07C	10	954,5	2.910,7		759,1				
1	LK-7C.01	107,7	350,5	M07B	89,0	83%	4	3,3	
2	LK-07C.2	90,7	284,5	M05B	74,5	82%	4	3,1	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Diện tích 1 lô đất (m ²) (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m ² /lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
3	LK-07C.3	91,6	284,5	M05B	74,5	82%	4	3,1	
4	LK-07C.4	92,4	284,5	M05B	74,5	81%	4	3,1	
5	LK-07C.5	93,3	284,5	M05B	74,5	81%	4	3,1	
6	LK-07C.6	94,1	284,5	M05B	74,5	80%	4	3,0	
7	LK-07C.7	94,9	284,5	M05B	74,5	79%	4	3,0	
8	LK-07C.8	95,8	284,5	M05B	74,5	78%	4	3,0	
9	LK-07C.9	96,6	284,5	M05B	74,5	78%	4	2,9	
10	LK-07C.10	97,5	284,5	M05B	74,5	77%	4	2,9	
5. Khu LK-08A	12	1.191,0	3.463,0		926,4				
1	LK-08A.1	102,9	288,6	M06	77,2	75%	4	2,8	
2	LK-08A.2	102,2	288,6	M06	77,2	76%	4	2,8	
3	LK-08A.3	101,6	288,6	M06	77,2	76%	4	2,8	
4	LK-08A.4	100,9	288,6	M06	77,2	77%	4	2,9	
5	LK-08A.5	100,3	288,6	M06	77,2	77%	4	2,9	
6	LK-08A.6	99,6	288,6	M06	77,2	78%	4	2,9	
7	LK-08A.7	98,9	288,6	M06	77,2	78%	4	2,9	
8	LK-08A.8	98,3	288,6	M06	77,2	79%	4	2,9	
9	LK-08A.9	97,6	288,6	M06	77,2	79%	4	3,0	
10	LK-08A.10	96,9	288,6	M06	77,2	80%	4	3,0	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Diện tích 1 lô đất (m ²) (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m ² /lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
11	LK-08A.11	96,3	288,6	M06	77,2	80%	4	3,0	
12	LK-08A.12	95,6	288,6	M06	77,2	81%	4	3,0	
6. Khu LK-08B	10	1.089,4	3.478,0		926,4				
1	LK-08B.1	113,2	347,8	M18	92,6	82%	4	3,1	
2	LK-08B.2	112,3	347,8	M18	92,6	83%	4	3,1	
3	LK-08B.3	111,3	347,8	M18	92,6	83%	4	3,1	
4	LK-08B.4	110,4	347,8	M18	92,6	84%	4	3,2	
5	LK-08B.5	109,4	347,8	M18	92,6	85%	4	3,2	
6	LK-08B.6	108,5	347,8	M18	92,6	85%	4	3,2	
7	LK-08B.7	107,5	347,8	M18	92,6	86%	4	3,2	
8	LK-08B.8	106,6	347,8	M18	92,6	86%	4	3,3	
9	LK-08B.9	105,6	347,8	M18	92,6	87%	4	3,3	
10	LK-08B.10	104,7	347,8	M18	92,6	88%	4	3,3	
7. Khu LK-08C	11	1.081,4	3.825,8		1.019,0				
1	LK-08C.1	103,1	347,8	M18	92,6	89%	4	3,4	
2	LK-08C.2	102,1	347,8	M18	92,6	90%	4	3,4	
3	LK-08C.3	101,2	347,8	M18	92,6	91%	4	3,4	
4	LK-08C.4	100,2	347,8	M18	92,6	92%	4	3,5	
5	LK-08C.5	99,3	347,8	M18	92,6	92%	4	3,5	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Diện tích 1 lô đất (m ²) (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m ² /lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
6	LK-08C.6	98,3	347,8	M18	92,6	93%	4	3,5	
7	LK-08C.7	97,4	347,8	M18	92,6	94%	4	3,6	
8	LK-08C.8	96,4	347,8	M18	92,6	95%	4	3,6	
9	LK-08C.9	95,5	347,8	M18	92,6	96%	4	3,6	
10	LK-08C.10	94,5	347,8	M18	92,6	97%	4	3,7	
11	LK-08C.11	93,5	347,8	M18	92,6	98%	4	3,7	
8. Khu LK-09	12	1.287,5	4.015,4		1.051,0				
1	LK-09.1	142,1	421,9	M09	110,5	78%	4	3,0	
2	LK-09.2	109,1	333,3	M10	88,4	85%	4	3,1	
3	LK-09.3	106,4	333,3	M10	88,4	85%	4	3,1	
4	LK-09.4	104,1	333,3	M10	88,4	85%	4	3,2	
5	LK-09.5	102,4	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
6	LK-09.6	101,1	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
7	LK-09.7	100,3	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
8	LK-09.8	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
9	LK-09.9	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
10	LK-09.10	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
11	LK-09.11	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
12	LK-09.12	122,0	332,2	M03	80,1	66%	4	2,7	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Diện tích 1 lô đất (m ²) (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m ² /lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
9. Khu LK-11	19	1.974,0	6.286,7		1.631,1				
1	LK-11.1	127,0	348,1	M11	84,4	66%	4	2,7	
2	LK-11.2	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
3	LK-11.3	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
4	LK-11.4	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
5	LK-11.5	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
6	LK-11.6	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
7	LK-11.7	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
8	LK-11.8	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
9	LK-11.9	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
10	LK-11.10	120,0	404,2	M08	102,0	85%	4	3,4	
11	LK-11.11	100,0	340,4	M07A	85,0	85%	4	3,4	
12	LK-11.12	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
13	LK-11.13	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
14	LK-11.14	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
15	LK-11.15	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
16	LK-11.16	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
17	LK-11.17	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
18	LK-11.18	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Diện tích 1 lô đất (m ²) (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m ² /lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
19	LK-11.19	127,0	348,1	M11	84,4	66%	4	2,7	
10. Khu LK-12	22	2.234,0	7.128,2		1.852,1				
1	LK-12.1	107,0	284,3	M12	67,4	63%	4	2,7	
2	LK-12.2	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
3	LK-12.3	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
4	LK-12.4	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
5	LK-12.5	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
6	LK-12.6	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
7	LK-12.7	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
8	LK-12.8	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
9	LK-12.9	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
10	LK-12.10	120,0	404,2	M08	102,0	85%	4	3,4	
11	LK-12.11	100,0	340,4	M07A	85,0	85%	4	3,4	
12	LK-12.12	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
13	LK-12.13	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
14	LK-12.14	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
15	LK-12.15	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
16	LK-12.16	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
17	LK-12.17	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Diện tích 1 lô đất (m ²) (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m ² /lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
18	LK-12.18	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
19	LK-12.19	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
20	LK-12.20	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
21	LK-12.21	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
22	LK-12.22	107,0	284,3	M12	67,4	63%	4	2,7	
11. Khu LK-15	15	1.543,0	4.954,7		1.288,2				
1	LK-15.1	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
2	LK-15.2	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
3	LK-15.3	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
4	LK-15.4	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
5	LK-15.5	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
6	LK-15.6	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
7	LK-15.7	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
8	LK-15.8	100,0	340,4	M07A	85,0	85%	4	3,4	
9	LK-15.9	100,0	340,4	M07A	85,0	85%	4	3,4	
10	LK-15.10	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
11	LK-15.11	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
12	LK-15.12	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
13	LK-15.13	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Diện tích 1 lô đất (m ²) (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m ² /lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
14	LK-15.14	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
15	LK-15.15	143,0	397,2	M17	98,0	69%	4	2,8	
12. Khu LK-16	15	1.543,0	4.954,7		1.288,2				
1	LK-16.1	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
2	LK-16.2	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
3	LK-16.3	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
4	LK-16.4	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
5	LK-16.5	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
6	LK-16.6	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
7	LK-16.7	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
8	LK-16.8	100,0	340,4	M07A	85,0	85%	4	3,4	
9	LK-16.9	100,0	340,4	M07A	85,0	85%	4	3,4	
10	LK-16.10	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
11	LK-16.11	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
12	LK-16.12	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
13	LK-16.13	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
14	LK-16.14	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
15	LK-16.15	143,0	397,2	M17	98,0	69%	4	2,8	
13. Khu LK-17	9	900,0	2.924,9		765,2				

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Diện tích 1 lô đất (m ²) (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m ² /lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
1	LK-17.1	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
2	LK-17.2	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
3	LK-17.3	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
4	LK-17.4	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
5	LK-17.5	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
6	LK-17.6	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
7	LK-17.7	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
8	LK-17.8	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
9	LK-17.9	100,0	340,4	M07A	85,0	85%	4	3,4	
14. Khu LK-18	9	900,0	2.924,9		765,2				
1	LK-18.1	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
2	LK-18.2	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
3	LK-18.3	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
4	LK-18.4	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
5	LK-18.5	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
6	LK-18.6	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
7	LK-18.7	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
8	LK-18.8	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
9	LK-18.9	100,0	340,4	M07A	85,0	85%	4	3,4	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Diện tích 1 lô đất (m ²) (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m ² /lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
15. Khu LK-19	8	800,0	2.601,8		680,1				
1	LK-19.1	100,0	323,1	M02	85,0	0,85	4	3,2	
2	LK-19.2	100,0	323,1	M02	85,0	0,85	4	3,2	
3	LK-19.3	100,0	323,1	M02	85,0	0,85	4	3,2	
4	LK-19.4	100,0	323,1	M02	85,0	0,85	4	3,2	
5	LK-19.5	100,0	323,1	M02	85,0	0,85	4	3,2	
6	LK-19.6	100,0	323,1	M02	85,0	0,85	4	3,2	
7	LK-19.7	100,0	323,1	M02	85,0	0,85	4	3,2	
8	LK-19.8	100,0	340,4	M07A	85,0	0,85	4	3,4	
16. Khu LK-20	8	800,0	2.601,8		680,1				
1	LK-20.1	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
2	LK-20.2	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
3	LK-20.3	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
4	LK-20.4	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
5	LK-20.5	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
6	LK-20.6	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
7	LK-20.7	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
8	LK-20.8	100,0	340,4	M07A	85,0	85%	4	3,4	
17. Khu LK-21	15	1.542,0	4.905,7		1.274,6				

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Diện tích 1 lô đất (m ²) (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m ² /lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
1	LK-21.1	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
2	LK-21.2	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
3	LK-21.3	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
4	LK-21.4	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
5	LK-21.5	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
6	LK-21.6	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
7	LK-21.7	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
8	LK-21.8	115,0	340,4	M07A	85,0	85%	4	3,0	
9	LK-21.9	100,0	340,4	M07A	85,0	85%	4	3,4	
10	LK-21.10	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
11	LK-21.11	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
12	LK-21.12	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
13	LK-21.13	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
14	LK-21.14	100,0	323,1	M02	85,0	85%	4	3,2	
15	LK-21.15	127,0	348,1	M11	84,4	66%	4	2,7	
18. Khu LK-22A	31	3.795,9	12.037,0		3.157,0				
1	LK-22A.1	180,9	419,7	M14	110,3	61%	4	2,3	
2	LK-22A.2	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	
3	LK-22A.3	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Diện tích 1 lô đất (m ²) (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m ² /lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
4	LK-22A.4	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	
5	LK-22A.5	120,1	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	
6	LK-22A.6	120,3	404,2	M08	102,0	85%	4	3,4	
7	LK-22A.7	120,3	404,2	M08	102,0	85%	4	3,4	
8	LK-22A.8	120,1	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	
9	LK-22A.9	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	
10	LK-22A.10	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	
11	LK-22A.11	120,1	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	
12	LK-22A.12	120,3	404,2	M08	102,0	85%	4	3,4	
13	LK-22A.13	120,3	404,2	M08	102,0	85%	4	3,4	
14	LK-22A.14	120,1	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	
15	LK-22A.15	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	
16	LK-22A.16	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	
17	LK-22A.17	120,1	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	
18	LK-22A.18	120,3	404,2	M08	102,0	85%	4	3,4	
19	LK-22A.19	120,3	404,2	M08	102,0	85%	4	3,4	
20	LK-22A.20	120,1	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	
21	LK-22A.21	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	
22	LK-22A.22	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Diện tích 1 lô đất (m ²) (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m ² /lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
23	LK-22A.23	120,1	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	
24	LK-22A.24	120,3	404,2	M08	102,0	85%	4	3,4	
25	LK-22A.25	120,3	404,2	M08	102,0	85%	4	3,4	
26	LK-22A.26	120,1	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	
27	LK-22A.27	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	
28	LK-22A.28	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	
29	LK-22A.29	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	
30	LK-22A.30	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	
31	LK-22A.31	132,0	328,3	M13	88,6	67%	4	2,5	
19. Khu LK-22B	7	844,0	2.545,5		668,0				
1	LK-22B.1	132,0	328,3	M13	88,6	67%	4	2,5	
2	LK-22B.2	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	3,0	
3	LK-22B.3	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	2,5	
4	LK-22B.4	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	
5	LK-22B.5	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	
6	LK-22B.6	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	
7	LK-22B.7	112,0	299,3	M16	69,4	62%	4	3,2	
20. Khu LK-22C	7	844,0	2.545,5		668,0				
1	LK-22C.1	132,0	328,3	M13	88,6	67%	4	2,7	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Diện tích 1 lô đất (m ²) (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m ² /lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
2	LK-22C.2	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	3,0	
3	LK-22C.3	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	2,5	
4	LK-22C.4	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	
5	LK-22C.5	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	
6	LK-22C.6	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	
7	LK-22C.7	112,0	299,3	M16	69,4	62%	4	3,2	
21. Khu LK-22D	7	844,0	2.545,5		668,0				
1	LK-22D.1	132,0	328,3	M13	88,6	67%	4	2,7	
2	LK-22D.2	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	3,0	
3	LK-22D.3	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	2,5	
4	LK-22D.4	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	
5	LK-22D.5	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	
6	LK-22D.6	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	
7	LK-22D.7	112,0	299,3	M16	69,4	62%	4	3,2	
22. Khu LK-23	9	1.104,0	3.341,7		891,3				
1	LK-23.1	132,0	328,3	M13	88,6	67%	4	2,7	
2	LK-23.2	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	3,0	
3	LK-23.3	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	2,5	
4	LK-23.4	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Diện tích 1 lô đất (m ²) (Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thành phố Tuyên Quang về phê duyệt QH)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m ² /lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
5	LK-23.5	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	
6	LK-23.6	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	
7	LK-23.7	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	
8	LK-23.8	120,0	383,6	M15	102,0	85%	4	3,2	
9	LK-23.9	132,0	328,3	M13	88,6	67%	4	3,2	